TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 37/2019/QĐST–HNGĐ	*Cái Nước, ngày 21 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Bích Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Nhật N, sinh năm 1985

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Bích Đ và anh Nguyễn Nhật N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Bích Đ và anh Nguyễn Nhật N thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Bích Đ và anh Nguyễn Nhật N thống nhất giao cháu Nguyễn Nhật M, sinh ngày 11/11/2006 cho chị Nguyễn Bích Đ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Nhật N không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Nhật N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Bích Đ và anh Nguyễn Nhật N thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Chị Nguyễn Bích Đ và anh Nguyễn Nhật N thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Bích Đ và anh Nguyễn Nhật N mỗi người phải chịu là 75.000 đồng nhưng chị Đ và anh N thống nhất chị Đ chịu toàn bộ án phí. Do đó, chị Đoan phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005126 ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị Đ được nhận lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- TAND tỉnh C
- Chi cục THADS huyện C;
- VKSND huyện C;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hà Thanh Khiết